

**TCVN 8068: 2009**

**DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI VOIP – CÁC YÊU CẦU**

*VoIP telephone service - Requirements*

**HÀ NỘI - 2009**



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu.....	4
1 Phạm vi áp dụng.....	5
2 Định nghĩa và chữ viết tắt.....	5
2.1 Định nghĩa.....	5
2.2 Chữ viết tắt.....	6
3 Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ .....	6
3.1 Chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật.....	6
3.2 Chỉ tiêu chất lượng phục vụ.....	8

**Lời nói đầu**

TCVN 8068:2009 được xây dựng trên cơ sở soát xét, chuyển đổi từ Tiêu chuẩn Ngành TCN 68-253:2006 “Dịch vụ điện thoại VoIP – Tiêu chuẩn chất lượng” do Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) ban hành theo Quyết định số 30/2006/QĐ-BBCVT ngày 5/9/2006. Các yêu cầu kỹ thuật được xây dựng dựa trên các Khuyến nghị của Liên minh Viễn thông Thế giới (ITU), có tham khảo tiêu chuẩn chất lượng, quy định quản lý đối với dịch vụ điện thoại VoIP của một số nước trong khu vực, thế giới.

TCVN 8068:2009 do Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông biên soạn, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

# **Dịch vụ điện thoại VoIP – Các yêu cầu**

*VoIP telephone service - Requirements*

## **1 Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này bao gồm các chỉ tiêu chất lượng cho dịch vụ điện thoại VoIP (Voice over Internet Protocol) trong nước.

## **2 Định nghĩa và chữ viết tắt**

### **2.1 Định nghĩa**

#### **2.1.1 Dịch vụ điện thoại VoIP trong nước**

Dịch vụ điện thoại VoIP trong nước là dịch vụ điện thoại đường dài trong nước sử dụng giao thức Internet, trong đó các cuộc gọi xuất phát và kết thúc tại các thiết bị đầu cuối điện thoại thông thường của mạng PSTN, các thiết bị đầu cuối này không thực hiện truy nhập vào mạng Internet và các kênh truyền dẫn giữa các thiết bị cổng của mạng cung cấp dịch vụ điện thoại VoIP (Gateway VoIP) là các kênh thuê riêng.

#### **2.1.2 Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VoIP**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VoIP là doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ điện thoại VoIP theo các quy định hiện hành.

#### **2.1.3 Khách hàng (người sử dụng dịch vụ)**

Khách hàng là cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc nước ngoài sử dụng dịch vụ điện thoại VoIP.

#### **2.1.4 Chất lượng dịch vụ**

Chất lượng dịch vụ là kết quả tổng hợp của các chỉ tiêu thể hiện mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ đối với dịch vụ đó.

#### **2.1.5 Cuộc gọi được thiết lập thành công**

Cuộc gọi được thiết lập thành công là cuộc gọi mà khi quay đúng và đủ số thuê bao bị gọi, phía thuê bao chủ gọi nhận được tín hiệu cho biết đúng trạng thái của thuê bao bị gọi.

#### **2.1.6 Thời gian trễ sau quay số**

Thời gian trễ sau quay số là thời gian tính từ khi quay số xong (kết thúc quay số cuối cùng của thuê bao bị gọi) đến khi nhận được tín hiệu cho biết đúng trạng thái của thuê bao bị gọi (bận, rỗi, khoá máy...).

#### **2.1.7 Thời gian trễ từ đầu cuối đến đầu cuối**

Thời gian trễ từ đầu cuối đến đầu cuối là thời gian để truyền âm thanh từ miệng người nói đến tai người nghe.

#### **2.1.8 Sự cố**

Sự cố là hư hỏng của một hoặc một số phần tử của mạng của DNCCDV dẫn đến việc làm gián đoạn đường truyền từ mạng PSTN đến mạng của DNCCDV.

#### **2.1.9 Độ dài đàm thoại thực của cuộc gọi**

Độ dài đàm thoại thực của cuộc gọi là khoảng thời gian đàm thoại giữa chủ gọi và bị gọi, trong đó: thời điểm bắt đầu đàm thoại được tính từ lúc bị gọi nhắc máy; thời điểm kết thúc cuộc gọi được tính từ lúc một trong hai bên chủ gọi hoặc bị gọi đặt máy hoặc do mạng tự kết thúc cuộc gọi.